

Bản án số: **226/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 21/8/2023

“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ma Thị Như Trang.

2. Bà Nguyễn Hà Linh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Cùng nơi cư trú: Thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà T, ông T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2005 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn, luôn bất

đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau, không ai quan tâm và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn giữa bà với ông T đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay mỗi người một công việc không ai quan tâm đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/5/1998 và cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn Đ đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Còn đối với con chung cháu Nguyễn Duy H đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Bà và ông Nguyễn Văn T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Tuyên giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Đinh Thị T chung sống với nhau từ đầu năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Việc ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống sau đó được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay bà T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Đinh Thị T thì ông cũng nhất trí.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông và bà Đinh Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/5/1998 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008.

Hiện nay cháu Nguyễn Duy H đã trưởng thành trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết; Còn đối với cháu Nguyễn Tuấn Đ, bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và bà T không yêu cầu ông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà thì ông cũng nhất trí.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Ông và bà Đinh Thị T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Ông và bà Đinh Thị T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008 (là con chung của bà T và ông T). Cháu Đ trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là Đinh Thị T, cháu tự nguyện ở với mẹ cháu và không bị ai ép buộc gì.

Qua xác minh tại địa phương thôn 31, xã T, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà T và ông T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đồng thời đại diện thôn 31, xã T cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án gửi nhờ địa phương giao, tổng đạt trực tiếp cho ông T. Địa phương đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho ông T nhưng khi đến giao thì ông T không có mặt ở nhà nên địa phương đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ngày 07/7/2023 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang từ trước đến nay không thể hiện việc bà Đinh Thị T có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án gồm:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị T cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Căn cước công dân của bà T (Bản sao chứng thực); 01 Giấy xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 01 Căn cước công dân của cháu Hoàng (Bản sao chứng thực); 01 Giấy khai sinh của cháu Đ (Bản sao chứng thực);

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T cung cấp cho Tòa án: 01 Căn cước công dân của ông T (Bản phô tô).

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều

đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn bà Đinh Thị T chấp hành tốt các quy định pháp luật; đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008 cho bà Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Đinh Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn T nên xác định đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Nguyễn Văn T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa:* Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế bà T và ông T đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân bà T và ông T không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy bà T làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T. Xét thấy yêu cầu của bà Đinh Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/5/1998 và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Duy H đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn bà Đinh Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn Đ đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà; Ông Nguyễn Văn T

cũng nhất trí để bà T được trực tiếp nuôi cháu Đ đến khi trưởng thành và ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Đ, qua xem xét ý kiến của bà T, ông T và cháu Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008 cho bà Đinh Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đinh Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T cùng xác định tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Đinh Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 07/5/2008 cho bà Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đinh Thị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005991 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà Đinh Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thái Sơn (Đề biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tùng